

Bản án số: 73/2024/HNGĐ
Ngày 22/3/2024
Về việc tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Càn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Ngọc C

Bà Nguyễn Thị C

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tây Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2023/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐ - ST ngày 15/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐ - ST ngày 02/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1982

HKTT: Thôn Phương Thảo II Xã X, Huyện V, Tỉnh T (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Công Thị Kim O, sinh năm 1982

HKTT: Số nhà 8 ngách 335/27 tổ 19 cụm 3, Phường P, Quận T, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện và các lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh T trình bày:*

Anh T và chị O kết hôn năm 2016, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, Quận T, Thành phố Hà Nội.

Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã và gây ảnh hưởng đến gia đình hai bên và con. Chị O không quan tâm đến chồng con, thường xuyên tụ tập bạn bè đến khuya mới về, gọi điện thoại không nghe. Vợ đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hai bên gia đình có biết đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn với chị O để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh T xác định, vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Phương Toàn T sinh ngày 11/02/2014. Ly hôn anh T đồng ý để chị O nuôi con chung và cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là chị O nhận giấy triệu tập, các văn bản của Tòa án nhưng không đến tòa án làm việc và cũng không làm bản tự khai nộp cho tòa án.*

Nguyên đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như trên, không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn không có lời khai

Đại diện VKS tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và nội dung giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ lý và trình tự đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HDDXX áp dụng điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ.

- Áp dụng Điều, 141, 271, 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH về án phí:

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn T với chị Công Thị Kim O.

Về con chung: Anh T xác định, vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Phương Toàn T sinh ngày 11/02/2014. Giao con chung cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị O có đăng ký HKTT và cư trú tại số nhà 8 ngách 335/27 tổ 19 cụm 3 phường P, quận T, Thành phố Hà Nội. Anh T có đơn xin ly hôn với chị O, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo chấp hành nghĩa vụ tố tụng, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị O từ chối viết giấy tự khai, từ chối để Tòa án lập biên bản lấy lời khai và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Việc chị O cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị O là đúng quy định của pháp luật.

[2].Về nội dung: Anh T và chị O kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường P, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội ngày 30/5/2016, đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của anh T: trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách sống, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã. Chị O sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng đã ly thân từ năm 2021, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị O.

Tại biên bản xác minh của Tòa án cũng như lời khai của đương sự đều xác nhận hiện anh T chị O mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do đó, vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn mặn nồng. Theo quy luật và sự phát triển bình thường thì những gia đình có cuộc sống hạnh phúc đầm ấm là vợ chồng phải biết quan tâm, thương yêu quý trọng, chăm sóc giúp đỡ, cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng tiến bộ hạnh phúc và bền vững. Nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị O đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và chị O là phù hợp với pháp luật và thực tế.

- Về con chung: Anh T chị O có 01 con chung là Đỗ Phương Toàn T sinh 11/02/2014. Vì cháu là con gái và hiện đang ở với mẹ, anh T đề nghị tiếp tục giao cho chị O nuôi con chung để tránh xáo trộn trong học tập và sinh hoạt hàng ngày của cháu, xét đề nghị của anh T là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật nên HĐXX giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn. Ghi nhận việc anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị O không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày, nên không xem xét.

- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 147; 227, 238, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Văn T đối với chị Công Thị Kim O. Anh T được ly hôn với chị O

2.Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Đỗ Phương Toàn T cho chị O nuôi sau ly hôn. Ghi nhận việc anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản

- Về tài sản, nhà đất, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Anh T tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp biên lai số 33382 ngày 13/10/2023 tại chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận Tây Hồ
- Chi cục THADS q. Tây Hồ
- Đương sự

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Đức C